I2490VXQ/BT

23.8-inch professional monitor in 3-sided frameless design with Full HD resolution

Boasting an elegant 3-sided frameless design, the AOC I2490VXQ is equipped with a sturdy stand in titanium grey finish. The advanced 23.8" Full HD IPS panel offers great versatility with good colour accuracy and wide gamut coverage.

TỔNG QUAN	
Tên mẫu	I2490VXQ/BT
Kênh	B2C
Dòng sản phẩm	Value-line
Dòng thiết kế	90 ID
Ngày ra mắt (dự kiến)	24-06-2017

MÀN HÌNH	
Kích thước màn hình (inch)	23,8
Kích thước màn hình (cm)	60,452
Phẳng/Cong	Flat
Độ cứng của màn hình hiển thị	3H
Độ phân giải của bảng điều khiển	1920x1080
Tên độ phân giải	FHD
Tỷ lệ khung hình	16:9
Loại bảng điều khiển	IPS
Loại đèn nền	WLED
Max Tốc độ làm mới	60 Hz
Thời gian phản hồi GtG	4 ms
Tỷ lệ tương phản tĩnh	1000:1
Tỷ lệ tương phản động	100M:1
Góc nhìn (CR10)	178/178
Màu sắc màn hình hiển thị	16.7 Million
Brightness in nits	250 cd/m2
Mạt độ điểm ảnh (mm)	0,2745

NGOẠI THẤT	
Loại viền (mặt trước)	3-sided frameless
Màu viền (mặt trước)	Dark grey
Lớp hoàn thiện viền (mặt trước)	Texture
Màu tủ (mặt sau)	Black
Lớp hoàn thiện tủ (mặt sau)	Texture

CÔNG THÁI HỌC	
Giá treo tường Vesa	100x100
Nghiêng	-3,5/19,5

KẾT NỐI VÀ ĐA PHƯƠNG TIỆN	
HDMI	HDMI 1.4 x 1
Cổng màn hình hiển thị	DisplayPort 1.2 x 1
D-SUB (VGA)	1x

ĐA PHƯƠNG TIỆN	
Loa	✓
Công suất loa	2 W x 2
Đầu ra âm thanh	Headphone out (3.5mm)

TÍNH NĂNG	
Công nghệ loại bỏ ánh sáng xanh	Low Blue Light
Flicker-Free	Flicker Free
Không gian màu (Adobe RGB) CIE 1931 %	75

SỰ BỀN VỮNG	
Chứng nhận TCO	7

QUYỀN LỰC / MÔI TRƯỜNG	
Nguồn cấp điện	Internal
Nguồn điện	100 - 240V 50/60Hz
Công suất tiêu thụ ở chế độ chờ tính bằng watt	0,5
Công suất tiêu thụ khi tắt tính bằng watt	0,5
Lớp năng lượng	E

KÍCH THƯỚC SẢN PHẨM	
Kích thước sản phẩm bao gồm cả đế (RxCxS) mm	412(H) x 540.5(W) x 200(D)
Kích thước đóng gói (RxCxS) mm	125(H) x 623(W) x 486(D)
Tổng trọng lượng bao gồm cả bao bì (tính bằng kg)	3,6
Trọng lượng tịnh không bao gồm bao bì (tính bằng kg)	4,052

TRONG HỘP CÓ NHỮNG GÌ	
Cáp HDMI	1.8
Cáp D-SUB (VGA)	1.8
Cáp điện C13	1.8

THÔNG TIN KHÁC	
MTBF	50.000 hours (excluded backlight)
MTBF (không bao gồm bảng điều khiển)	50.000 hours

TUÂN THỦ QUY ĐỊNH	
ISO 9241-307	✓